

KẾ HOẠCH

Sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2022 - 2030

Thực hiện Chương trình phối hợp số 19/CTPH-BNN-UBNDLL ngày 10/3/2019 ký giữa Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Biên bản Hợp tác ghi nhớ hợp tác Kết nối chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ nông sản ký ngày 21/5/2022 giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Ủy ban nhân dân 5 tỉnh Tây Nguyên.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Kế hoạch sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2022 - 2030 với các nội dung sau:

I. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK

Đắk Lắk là tỉnh miền núi, nằm ở trung tâm của vùng Tây Nguyên, với tổng diện tích đất tự nhiên trên 1,3 triệu ha (*đứng thứ 4 cả nước*), trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp 650 nghìn ha (*lớn nhất nước*), đất lâm nghiệp trên 520 nghìn ha (*thứ 10 cả nước*). Đắk Lắk có điều kiện đất đai, khí hậu và địa hình sản xuất nông nghiệp tương đối bằng phẳng, là tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Toàn tỉnh có trên 300.000 ha đất đỏ Bazan màu mỡ rất thích hợp cho việc trồng các loại cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả; có gần 42.000 ha mặt nước, khí hậu ôn hòa... Đây là tiềm năng, điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất nông lâm thủy sản theo chiều sâu, gắn với phát triển công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo nên chuỗi giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản chủ lực của tỉnh, của vùng và quốc gia, có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế.

1. Về sản xuất

a) Trồng trọt (*chiếm khoảng 74% giá trị sản xuất nông nghiệp tỉnh*): Cà phê với diện tích trên 213 ngàn ha, sản lượng trên 520.000 tấn (lớn nhất cả nước); Cao su có diện tích khoảng 34.000ha, sản lượng hàng năm đạt trên 38.000 tấn/năm; Hồ tiêu có diện tích khoảng 32.000ha, sản lượng trên 81.000 tấn (đứng đầu cả nước); Điều có diện tích trên 27.000 ha, sản lượng khoảng 31.000 tấn; Cây ăn quả có diện tích trên 43.000 ha, sản lượng hàng năm đạt hơn 220.000 tấn/năm, với các loại cây ăn quả có chất lượng và giá trị kinh tế cao, đặc biệt là Sầu Riêng (trên 14.900ha); Bơ (trên 9.000ha); Lúa trung bình gieo trồng trên 110.000ha/năm (đứng đầu khu vực Tây Nguyên); Ngô khoảng 94.000ha (đứng thứ 2 cả nước).

b) Chăn nuôi (*chiếm khoảng 20% giá trị sản xuất nông nghiệp tỉnh*): Quy mô đàn vật nuôi của tỉnh tương đối ổn định với đàn trâu, bò 279.900 con; đàn lợn 970.000 con; đàn gia cầm 13.600.000 con, đàn dê 125.000 con, 235.000 đàn ong. Sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 162.700 tấn; sản lượng trứng các loại ước đạt 233 triệu quả. Toàn tỉnh có 72 trang trại quy mô lớn, 722 trang trại quy mô vừa, trên 5.600 trang trại quy mô nhỏ và khoảng 109.000 cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ. Trên địa bàn tỉnh có 08 Công ty chăn nuôi triển khai liên kết sản xuất chăn nuôi lợn, gà theo hình thức gia công với khoảng 400 trang trại chăn nuôi lợn với khoảng 200.000 con lợn (chiếm 23,3% tổng đàn lợn toàn tỉnh) và 3.000.000 con gà (chiếm 26,5% tổng đàn gà toàn tỉnh).

c) Thủy sản (*chiếm khoảng 03% giá trị sản xuất nông nghiệp tỉnh*): Đắk Lắk có tiềm năng phát triển thủy sản nội đồng (*phát triển nghề nuôi cá lồng bè trên sông, hồ chứa thủy lợi, thủy điện*). Với trên 700 hồ chứa và các hệ thống sông, diện tích mặt nước có khả năng đưa vào nuôi trồng thủy sản trên 42.000 ha (*ao hồ nhỏ, hồ chứa, sông suối, ruộng trũng*), đây là tiềm năng lớn để phát triển ngành thủy sản, đặc biệt phát triển nuôi cá nước lạnh. Năm 2021, tổng sản lượng cá bột đạt 690 triệu con, sản lượng cá giống đạt 65 triệu con; diện tích nuôi trồng 13.050 ha; sản lượng nuôi trồng đạt 25.500 tấn; sản lượng khai thác đạt 1.700 tấn.

2. Về quản lý vật tư nông nghiệp

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk Ban hành Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 05/12/2016 về tăng cường công tác quản lý, buôn bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 02/8/2021 về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 02/8/2021 về tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả phân bón trên địa bàn Đắk Lắk; Kế hoạch số 9989/KH-UBND ngày 13/10/2021 về thu gom xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng giai đoạn 2021-2025.

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ: Tổ chức khoảng 200 lớp tập huấn chuyên môn, tuyên truyền phổ biến quy định pháp luật cho trên 10.000 lượt người tham dự, đồng thời tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin, truyền thông; Tổ chức thanh tra, kiểm tra tại hơn 1.000 cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (phát hiện 184 cơ sở vi phạm các quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật, phân bón - chiếm tỷ lệ 18,4%); Lấy 380 mẫu phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phân tích chất lượng (phát hiện 31 mẫu không đảm bảo chất lượng - chiếm tỷ lệ 8,2%); Lấy 186 mẫu sản phẩm nông sản giám sát an toàn thực phẩm (phát hiện 26 không đảm bảo chất lượng - chiếm tỷ lệ 13,9%).

3. Về sử dụng vật tư nông nghiệp

Với quy mô ngành nông nghiệp lớn, hàng năm tỉnh Đắk Lắk sử dụng khoảng 1.700 tấn thuốc bảo vệ thực vật, trong đó lượng thuốc bảo vệ thực vật sinh học sử dụng trên địa bàn tỉnh khoảng 340 tấn/năm chiếm khoảng 20%. Bình quân người dân sử dụng 2,54 kg thuốc bảo vệ thực vật /1 ha đất sản xuất/năm.

Lượng phân bón sử dụng hàng năm khoảng 1.227.000 tấn/năm, trong đó phân vô cơ chiếm 60%, phân hữu cơ chiếm 40%. Ngoài ra còn có 1.223.000 tấn phế phụ phẩm (*Rơm rạ, thân, lá, lõi cây ngô, vỏ cà phê, cùi tiêu, bã mía, bã sắn, vỏ sầu riêng...*) sử dụng trong sản xuất nông nghiệp và khoảng 4 triệu tấn chất thải trong chăn nuôi được dùng để sản xuất phân bón hữu cơ. Bình quân lượng phân bón sử dụng 4 tấn/ha/năm, bao gồm cả phân bón hữu cơ sinh học và phân bón hữu cơ truyền thống tự sản xuất không thương mại.

Lượng thức ăn chăn nuôi tiêu thụ bình quân khoảng 1.000.000 tấn/năm.

Thực hiện Kế hoạch số 9989/KH-UBND ngày 13/10/2021 về thu gom xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng giai đoạn 2021-2025. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 8/15 huyện, thị xã đã bố trí bể thu gom với tổng số 750 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật, trong đó số lượng thuốc bảo vệ thực vật được thu gom là 7.240 kg, số lượng đã được tiêu hủy là 4.700 kg.

4. Đánh giá chung

Giá trị tổng sản phẩm nông, lâm, thủy sản của tỉnh liên tục tăng qua các năm, bình quân tăng 8,39%/năm (KH tăng 4,5-5%). Nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế của tỉnh (giá trị GRDP - theo giá so sánh 2010 trên 21.000 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 36% GRDP). Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 5,64%/năm, đặc biệt là nhóm cây công nghiệp dài ngày, như: cà phê, cao su, hồ tiêu, điều,... chiếm trên 90% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, sản xuất nông nghiệp giải quyết việc làm và thu nhập cho gần 70% lao động của tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế cần phải tập trung khắc phục, như: nhận thức, tư duy về sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường còn hạn chế; nông nghiệp phát triển chưa ổn định và bền vững; nông sản hàng hóa chưa tập trung, sản xuất nhỏ lẻ còn chiếm tỷ trọng lớn; sản xuất theo chuỗi giá trị, có chứng nhận, đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm chưa trở thành phổ biến; kinh tế hợp tác và hợp tác xã phát triển chủ yếu về số lượng, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn hạn chế; chưa có nhiều sản phẩm chế biến sâu, gắn với thị trường tiêu thụ; năng suất lao động thấp, chất lượng tăng trưởng chưa cao và có xu hướng chậm lại, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều loại sản phẩm còn thấp, ô nhiễm và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, tác động của biến đổi khí hậu, chất lượng kết cấu hạ tầng và dịch vụ nông nghiệp thấp, chưa đáp ứng kịp với yêu cầu tăng nhanh của sản xuất và phục vụ đời sống dân cư. Đặc biệt, sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường chiếm tỷ lệ thấp, cụ thể:

- Diện tích cây trồng áp dụng quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận rất thấp, đạt khoảng 53.000 ha/650.000 ha, chiếm tỷ lệ 8,15%.

- Lượng phân bón sử dụng cao, khoảng 4 tấn/ha/năm.

- Bố trí thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật chỉ có 8/15 huyện, thị xã thực hiện.

- Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm 592/700 cơ sở (chiếm tỷ lệ 84,6%); ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn 13.498/17.207 cơ sở (chiếm tỷ lệ 78,44%);

- Tỷ lệ cơ sở vi phạm các quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật, phân bón cao (18,4%).

- Tỷ lệ mẫu thực phẩm nông lâm thủy sản được giám sát vi phạm các quy định an toàn thực phẩm cao (13,43 %).

II. YÊU CẦU ĐẠT RA

1. Xu hướng thế giới

Trong những năm tới, tình hình dự báo bối cảnh kinh tế thế giới tại các quốc gia và khu vực sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, kinh tế thế giới sẽ phục hồi tăng trưởng sau dịch bệnh Covid-19, chiến tranh thương mại giữa các nước lớn, cuộc cách mạng lần thứ 4 tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, cùng với sự tăng dân số, nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp trên thế giới có xu hướng tăng nhưng yêu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm ngày càng cao hơn. Hội nhập kinh tế khu vực và thế giới tạo điều kiện cho ngành nông lâm thủy sản Việt Nam mở rộng sản xuất, đầu tư khoa học công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu rộng trên thị trường thế giới. Đây vừa là thách thức, nhưng cũng là cơ hội để nông nghiệp nước ta thực hiện cơ cấu lại quyết liệt hơn, xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả và bền vững hơn.

2. Chủ trương của Đảng

Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ tiếp tục dành sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, kịp thời và có nhiều quyết sách tạo thuận lợi hơn cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Các chính sách hỗ trợ phát triển và những giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường tiếp tục phát huy hiệu quả. Những kết quả tích cực kinh tế cả nước và của ngành giai đoạn 2016-2020 sẽ tác động tích cực, tạo điều kiện cho nông nghiệp, nông thôn, nông dân phát triển.

Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định: Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến,

bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước; ***bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn.***

3. Văn bản của Trung ương

- Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;

- Quyết định số 340/QĐ-TTg, ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg, ngày 5/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030;

- Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác;

- Chỉ thị số 117/CT-BNN-BVTV ngày 07/1/2020 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tăng cường sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ;

- Chỉ thị số 653/CT-BNN-BVTV ngày 25/1/2022 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sử dụng phân bón tiết kiệm, cân đối và hiệu quả;

- Quyết định 1384/QĐ-BNN-QLCL ngày 15/4/2022 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 1909/QĐ-BNN-KH ngày 27/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Chương trình hành động triển khai Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 3442/QĐ-BNN-KH ngày 12/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt bộ chỉ số giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 3444/QĐ-BNN-KH ngày 12/9/2022 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch hành động của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

4. Triển khai của tỉnh Đắk Lắk

- Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND, ngày 8/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Quy định về việc hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phát triển và bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững; giảm ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng, tài nguyên thiên nhiên.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2022 - 2025

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 30%;

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt hoặc tương đương tăng 10%/năm;

- Diện tích sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ đạt khoảng 1,5 đến 1,8% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp;
- Xây dựng thành công 02 mô hình thí điểm, năm 2025 tổng kết đánh giá mô hình.
- Giảm 15% lượng phân bón hóa học sử dụng trong sản xuất;
- Giảm 15% lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong sản xuất (áp dụng IPM, IPHM, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học);
- Bố trí thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật có 15/15 huyện, thị xã thực hiện. Trong đó có trên 50% số xã thực hiện thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đúng quy định;
- Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên 90% cơ sở; 100% cơ sở ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn;
- Tỷ lệ mẫu thực phẩm nông lâm thủy sản được giám sát vi phạm các quy định an toàn thực phẩm duy trì dưới 3%/ năm;
- Tỷ lệ cơ sở vi phạm các quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật, phân bón giảm dưới 10%.

b) Giai đoạn 2026 - 2030

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 50%;
- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt hoặc tương đương tăng 10%/năm;
- Diện tích sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ đạt khoảng 7-10% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp;
- Giảm 30% lượng phân bón hóa học sử dụng trong sản xuất;
- Giảm 30% lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong sản xuất (áp dụng IPM, IPHM, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học);
- Bố trí thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật có 15/15 huyện, thị xã thực hiện. Trong đó có trên 90% số xã thực hiện thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đúng quy định;
- Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt 100% cơ sở; 100% cơ sở ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn;
- Tỷ lệ mẫu thực phẩm nông lâm thủy sản được giám sát vi phạm các quy định ATTP duy trì dưới 1%/ năm;
- Tỷ lệ cơ sở vi phạm các quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật, phân bón giảm dưới 5%.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường

- Rà soát, đánh giá, sửa đổi bổ sung cơ chế, chính sách về nông nghiệp hữu cơ; thực hành sản xuất nông nghiệp tốt - Gap; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm và thủy sản gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông sản.

- Áp dụng hiệu quả cơ chế, chính sách đã có: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Lồng ghép nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường vào các kế hoạch, đề án, chương trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới 2022 - 2030.

- Đề xuất mới cơ chế, chính sách (nếu có phát sinh từ nhu cầu thực tiễn).

2. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn làm thay đổi tư duy của cán bộ, công chức các cấp và nhân dân về kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi số, phát triển bền vững, nông nghiệp đa giá trị, nông nghiệp tuần hoàn.

- Triển khai đồng bộ các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường cho tất cả các đối tượng tham gia chuỗi sản xuất, kinh doanh nông sản.

- Biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiêu biểu trong sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường; công khai tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật bị xử lý theo quy định.

3. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tập trung đào tạo nâng cao nhận thức về kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi số, phát triển bền vững, nông nghiệp đa giá trị, nông nghiệp tuần hoàn cho cán bộ, công chức các cấp; đồng thời đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ công chức trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ tỉnh đến cơ sở.

- Thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; tập trung đào tạo nghề phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường.

- Đào tạo nông dân có trình độ về tổ chức sản xuất và thị trường; nâng cao năng lực chủ cơ sở sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất nông nghiệp về kỹ thuật, kỹ năng quản trị sản xuất (tài chính, lao động, canh tác...).

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho sản xuất hữu cơ, tăng cường công tác đào tạo chuyên gia chuyên sâu về nông nghiệp hữu cơ; đào tạo, tập huấn cho doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông, đặc biệt là nguồn khuyến nông viên cơ sở.

4. Phối hợp huy động nguồn lực

- Tăng cường thu hút đầu tư, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững trong sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường.

- Phối hợp chặt chẽ, nâng cao vai trò của tổ chức kinh tế hợp tác, các tổ chức chính trị-xã hội, hiệp hội ngành hàng trong xây dựng, hoàn thiện, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường; truyền thông quảng bá sản phẩm đối với thị trường trong nước và quốc tế.

- Triển khai hiệu quả Chương trình phối hợp với Mặt trận tổ quốc, Hội Nông dân, Hội liên hiệp phụ nữ, các tổ chức chính trị xã hội, các hiệp hội ngành hàng trong phổ biến, giáo dục, đào tạo, tập huấn, vận động và giám sát sản xuất kinh doanh nông sản chất lượng, an toàn và bảo vệ môi trường, về xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, truyền thông quảng bá sản phẩm chất lượng, an toàn.

5. Xây dựng mô hình, dự án thí điểm

- Xây dựng 02 mô hình, dự án thí điểm từ khâu liên kết các doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp; thí điểm, hoàn chỉnh quy trình sản xuất; xây dựng mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; thu mua, bảo quản, sơ chế, chế biến; xây dựng nhãn hiệu; liên kết tiêu thụ sản phẩm. Dự kiến 01 mô hình về sản phẩm Sầu riêng, quy mô khoảng 100 ha; 01 mô hình về sản phẩm Lúa gạo, quy mô khoảng 100 ha.

- Nghiên cứu đề xuất xây dựng Đề án, Dự án, Đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp nhà nước để làm cơ sở khoa học vững chắc cho việc phát triển nông nghiệp hữu cơ, sản xuất phân bón hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

- Lựa chọn những địa phương với các cây trồng chủ lực, xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đạt chứng nhận hữu cơ có kiểm soát chặt chẽ, nghiêm ngặt các tiêu chuẩn theo quy định, sản phẩm sản xuất ra được cấp giấy chứng nhận theo quy định quốc gia (hoặc tương đương) về nông nghiệp hữu cơ trên các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực của tỉnh.

6. Đẩy mạnh xây dựng, quản lý mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói,

nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm

- Các cấp chính quyền, nhất là ngành chức năng tại địa phương tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp trong xây dựng mã số vùng trồng. Đồng thời, cần đổi mới và nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, kịp thời chấn chỉnh, phòng ngừa các trường hợp vi phạm để bảo vệ uy tín, thương hiệu của trái cây. Cần xác định công tác xây dựng và quản lý mã số vùng trồng không phải là công việc riêng của nông dân hay doanh nghiệp mà là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó chính quyền tại địa phương nắm giữ vai trò rất quan trọng.

- Các cơ quan chức năng tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật đối với việc bảo hộ, quản lý và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng. Đồng thời, đẩy mạnh công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung, đặc biệt là cho sản phẩm nông nghiệp đặc trưng nói riêng, để nâng cao nhận thức của cộng đồng. Ngoài ra, các cơ quan quản lý nhà nước cũng cần triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ đã được ban hành liên quan đến phát triển tài sản trí tuệ, sở hữu trí tuệ.

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ và giải pháp trong Đề án Xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2035.

7. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp, sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ môi trường

- Kiện toàn tổ chức và đảm bảo nguồn lực cho bộ máy từ tỉnh đến cấp xã; đào tạo, bồi dưỡng cập nhật thường xuyên pháp luật, kiến thức, kỹ năng thực thi pháp luật cho cán bộ thực thi pháp luật về vật tư nông nghiệp, sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ môi trường.

- Chuẩn hóa các hoạt động quản lý Nhà nước: thanh tra, kiểm tra, giám sát, thẩm định, chứng nhận, xử lý vi phạm.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực thi công vụ.

- Bảo vệ môi trường: Hướng dẫn thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; thu gom, xử lý, tái sử dụng phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp. Đồng thời ứng dụng các biện pháp kỹ thuật để quản lý dịch hại bền vững, giảm thiểu sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật.

8. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường

- Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, tập trung nghiên cứu, lựa chọn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và giải pháp công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường. Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất đạt chuẩn để

thử nghiệm, đánh giá, nhân rộng (ứng dụng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, các chế phẩm sinh học, phân hữu cơ sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chất lượng, an toàn và bảo vệ môi trường).

- Đổi mới phương pháp khuyến nông theo hướng ưu tiên chuyển giao và ứng dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp chất lượng, nông nghiệp hữu cơ đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn dịch bệnh.

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung 6 nhiệm vụ: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chuyển đổi nhận thức về chuyển đổi số; xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách; phát triển hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số; xây dựng và phát triển Chính quyền số; Xây dựng và phát triển kinh tế số; phát triển xã hội số. Trong đó nhiệm vụ ưu tiên:

+ Xây dựng bản đồ số hóa quản lý trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và dịch bệnh động thực vật trên địa bàn tỉnh; bản đồ phục vụ công tác quản lý, khai thác, vận hành hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; phần mềm truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông lâm và thủy sản.

+ Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu nông thôn mới; hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu quản lý rừng và dịch vụ môi trường rừng; hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu quản lý các doanh nghiệp, cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản, gây nuôi động vật hoang dã; cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; hệ thống giám sát phòng chống thiên tai; ứng dụng công nghệ số phục vụ tham mưu, chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

9. Theo dõi, đánh giá sơ kết, tổng kết

- Chế độ thông tin, báo cáo: Các đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện 6 tháng (trước ngày 15/6), cả năm (trước ngày 15/12), trong đó nêu rõ những việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tiếp tục hoàn thiện gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sơ kết và tổng kết: Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức sơ kết (năm 2025) và tổng kết (năm 2030) để đánh giá kết quả triển khai kế hoạch; thống nhất giải pháp, biện pháp khắc phục các khó khăn vướng mắc trong thực hiện làm cơ sở cho việc triển khai kế hoạch giai đoạn tiếp theo.

V. NGUỒN KINH PHÍ

1. Nguồn ngân sách Trung ương

- Hỗ trợ xây dựng mô hình, dự án thí điểm.

- Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ về: nghiên cứu cải

tiến quy trình canh tác, xây dựng quy trình sản xuất đạt chuẩn.

- Hỗ trợ xây dựng mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói nông sản.
- Hoàn thiện thể chế cấp Trung ương.

2. Nguồn ngân sách tỉnh

- Hoàn thiện thể chế cấp tỉnh.
- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.
- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Áp dụng hiệu quả cơ chế, chính sách đã có.
- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp, sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ môi trường.
- Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số vào sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, hiệu quả và bảo vệ môi trường.

3. Lồng ghép các chương trình, dự án

Lồng ghép nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường vào các kế hoạch, đề án, chương trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới 2022-2030 và các chương trình, dự án khác.

4. Nguồn kinh phí xã hội hóa

Tăng cường thu hút đầu tư, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững trong sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường.

VI. LỘ TRÌNH VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(có Phụ lục: Lộ trình và phân công nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện kèm theo)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo dõi, chỉ đạo quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ.
- Phân công đơn vị trực thuộc Bộ làm đầu mối, phối hợp với tỉnh Đắk Lắk trong quá trình triển khai thực hiện.
- Quan tâm, giới thiệu, huy động các nguồn lực (từ nguồn ngân sách Trung ương, từ các tập đoàn, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước và quốc tế) hỗ trợ cho tỉnh Đắk Lắk thực hiện tốt Kế hoạch này.
- Xây dựng Chương trình, Kế hoạch cụ thể cấp Trung ương triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn

đến năm 2045.

2. Các cơ quan, ban, ngành của tỉnh

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện và các vướng mắc phát sinh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo, giải quyết.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác lập vùng sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ kinh phí xây dựng, cải tạo kết cấu hạ tầng cho vùng sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan giới thiệu cho các nhà đầu tư vùng sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh để kêu gọi thu hút đầu tư.

c) Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch dự toán hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Sở Thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương; Trung tâm Công nghệ và Công Thông tin điện tử tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện; hệ thống Đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện, đài truyền thanh cấp xã và các phương tiện truyền thông khác trên địa bàn tỉnh phối hợp với Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các mô hình hiệu quả về sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

e. Sở Công Thương: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan phát triển thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, định hướng chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại về phân phối, tiêu thụ sản

phẩm và vận động tuyên truyền người tiêu dùng sử dụng sản phẩm nông nghiệp sản xuất an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

f) Sở Khoa học và Công nghệ: Hướng dẫn, hỗ trợ cho doanh nghiệp, người sản xuất đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới, đổi mới công nghệ sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

g) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện thu gom, tiêu hủy rác thải nguy hại trong trồng trọt và chăn nuôi.

h) Công an tỉnh: Tăng cường công tác điều tra, phối hợp xử lý các vi phạm gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng cấm đưa vào lưu thông trong nông nghiệp.

i) Đề nghị các Tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức đoàn thể.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ sẵn sàng phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành, các địa phương chủ động triển khai thực hiện tốt Kế hoạch này.

- Triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, đào tạo, tập huấn, vận động và giám sát sản xuất kinh doanh nông sản chất lượng, an toàn và bảo vệ môi trường, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, truyền thông quảng bá sản phẩm chất lượng, an toàn.

k) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai quy hoạch phát triển nông nghiệp, thủy sản tập trung trên địa bàn quản lý. Chỉ đạo Phòng chuyên môn; Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, hướng dẫn triển khai phát triển sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý.

- Định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Căn cứ Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kinh phí thu gom, tiêu hủy rác thải trong trồng trọt và chăn nuôi.

l) Các hiệp hội, ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân

- Chủ động triển khai áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc liên hệ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong xây dựng, hoàn thiện, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường; truyền thông quảng bá sản phẩm đối với thị trường trong nước và quốc tế.

Trên đây là Kế hoạch sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng và bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2022 - 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu các sở, ngành, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tuyên truyền, lập kế hoạch triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, TT&TT, CT, KH&CN, TN&MT;
- Công an tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp trẻ;
- Các phòng, TT: NNMT, KT, KGVX, TH, CTTĐT;
- Lưu: VT, NNMT (Q-10b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà